TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 16/8/2019.
"V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, chia TS chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

Các Thẩm phán: Ông Trương Phước Tự;

Ông Nguyễn Tấn Tặng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/8/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLPT-HNGĐ ngày 07/6/2019 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình về Ly hôn, chia tài sản chung".

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2019/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thế L (H), sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1957; Địa chỉ: Đường T, phường 4, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2019.

- *Bị đơn*: Nguyễn Thùy D, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn O, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ NLQ1, sinh năm 1970;

+ NLQ2, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Thế L là nguyên đơn.

NỘI D VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Nguyễn Thế L trình bày:

- Hôn nhân: Anh L và chị D kết tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào ngày 25/11/2018, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L nghi ngờ chị D mang số vàng cưới về nhà mẹ ruột và để lại vàng giả. Từ ngày 16/01/2019 chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột ở đến nay. Nay anh L yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị D là vợ chồng.

- Con chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung gồm có:

+ 10 chỉ vàng 24K (trong đó 01 dây chuyền vàng 05 chỉ; 01 lắc tay 04 chỉ; 01 đôi bông tai 01 chỉ). Sau đám cưới vàng này do chị D giữ.

Khoảng 13h ngày 16/01/2019 chị D giao 10 chỉ vàng 24k này cho cha chồng là NLQ1 quản lý dùm. Đến khoảng 17h cùng ngày, NLQ1 và NLQ2 mang số vàng đi thử thì phát hiện là vàng giả. Anh L cho rằng số vàng thật do chị D quản lý nên nay yêu cầu chị D giao anh ½ là 05 chỉ 24K. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L cho rằng trường hợp Tòa xác định 10 chỉ vàng 24K do NLQ1, NLQ2 quản lý thì anh L tự thỏa thuận với NLQ1, NLQ2 về việc giao trả vàng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ 11,51 chỉ vàng 18K là bộ vòng simen hiện chị D quản lý. Anh L yêu cầu chị D giao anh 06 chỉ, anh đồng ý chị D sở hữu 5,51 chỉ vàng 18K.

+ 01 chỉ vàng 18K là 02 chiếc nhẫn (mỗi chiếc 0,5 chỉ), hiện anh L giữ 01 chiếc, chị D giữ 01 chiếc. Anh L yêu cầu chị D giao trả anh L 0,5 chỉ vàng là chiếc nhẫn chị D đang quản lý. Tại phiên tòa sơ thẩm anh L rút yêu cầu, không yêu cầu chị D trả 0,5 chỉ vàng 18K là chiếc nhẫn.

Bị đơn chị Nguyễn Thùy D trình bày:

- Hôn nhân: Chị D thừa nhận lời trình bày của anh L về thời gian hai người tổ chức đám cưới và việc anh chị không đăng ký kết hôn là đúng. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, do giữa mẹ chồng và mẹ ruột của chị D có mâu thuẫn về tiền bạc nên mẹ chồng thường gây khó khăn cho chị D. Khoảng 19h ngày 16/01/2019 chị D bỏ nhà đi. Lý do chị buồn gia đình chồng đã cho số vàng cưới nhưng đòi lại, anh L lại không ý kiến gì. Nay anh L yêu cầu không công nhận anh chị là vợ chồng, chị D đồng ý.

- Con chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung như anh L trình bày là đúng; trong đó:

+ 11,51 chỉ vàng 18K là bộ vòng simen chị D đang quản lý, chị D đồng ý giao anh L 06 chỉ, chị được sở hữu 5,51 chỉ. Đối với 01 chỉ vàng 18K là 02 chiếc nhẫn, mỗi chiếc là 0,5 chỉ; hiện chị và anh L mỗi người giữ 01 chiếc; anh L yêu cầu mỗi người được sở hữu 01 chiếc chị đồng ý nên không yêu cầu Tòa giải quyết phần 01 chỉ vàng này.

+ Đối với 10 chỉ vàng 24K (gồm 01 dây chuyền vàng 05 chỉ; 01 lắc tay 04 chỉ; 01 đôi bông tai 01 chỉ); khoảng 09h ngày 16/01/2019 chị D đã giao lại cho cha chồng là NLQ1 giữ theo yêu cầu NLQ1. Việc NLQ1, NLQ2, anh L cho rằng 10 chỉ vàng chị giao NLQ1 là vàng giả là không đúng, vì khi nhận vàng NLQ1 không ý kiến gì, khoảng 2 – 3 ngày sau anh L mới điện thoại cho chị và nói là vàng giả. Nay chị yêu cầu NLQ1, NLQ2 trả 10 chỉ vàng 24K và chị yêu cầu được sở hữu 05 chỉ. Hiện chị D không còn giữ vàng nên không đồng ý trả 05 chỉ theo yêu cầu anh L. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị D cho rằng trường hợp Tòa xác định vàng do NLQ1, NLQ2 giữ thì anh L có quyền thỏa thuận với NLQ1, NLQ2 về số vàng trên, chị D không yêu cầu NLQ1, NLQ2 giao lại vàng và không yêu cầu được chia ½ số vàng trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2 trình bày:

Khoảng 10h ngày 16/01/2019 NLQ1 đề nghị con dâu là chị D đưa 10 chỉ vàng 24K của anh L + chị D để ông quản lý dùm. Lý do ông sợ chị D đưa số vàng này cho mẹ ruột hoặc mẹ chồng đem cho vay thì vợ chồng anh L, chị D không còn vốn làm ăn. Khi nhận vàng ông không kiểm tra (vàng để bên ngoài NLQ1 nhìn thấy). Đến khoảng 16 giờ cùng ngày NLQ1 đưa vàng cho vợ là NLQ2 cất giữ, NLQ2 nhận nhưng nghi ngờ là vàng giả nên ông, bà mang đến tiệm vàng K (thành phố C) kiểm tra thì xác định là vàng giả. Vụ việc ông bà báo và Ban nhân dân ấp B lập biên bản ngày 17/01/2019. Nay NLQ1, NLQ2 không đồng ý trả 10 chỉ vàng theo yêu cầu chị D, vì vàng NLQ1, NLQ2 đang giữ là vàng giả.

* Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2019/HNGĐ-ST ngày 11/4/2019 của Tòa án huyện C quyết định:

- Hôn nhân: Không công nhận anh L và chị D là vợ chồng.

- Con chung, nợ chung: Không có.

- Chia tài sản khi ly hôn:

+ Công nhận sự thỏa thuận giữa anh L và chị D về việc chị D giao trả anh L 06 chỉ vàng 18K; Chị D được tiếp tục sở hữu 5,51 chỉ vàng 18K.

+ Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của anh L đối với yêu cầu chị D trả lại anh L 01 nhẫn cưới trọng lượng 0,5 chỉ vàng 18K.

+ Không chấp nhận anh L yêu cầu chị D trả 05 chỉ vàng 24K.

- Án phí sơ thẩm:

Anh L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng nhưng được được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006260 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản là 1.743.000đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.800.000đồng theo biên lai số 0006261 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Số tiền anh L còn được nhận lại là 57.000đồng.

Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản là 760.000đồng.

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/4/2019 nguyên đơn anh Nguyễn Thế L kháng yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Thế L, người đại diện ủy quyền là bà Võ Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bị đơn Nguyễn Thùy D giao trả 05 chỉ vàng 24K.

- Bị đơn Nguyễn Thùy D vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý giao trả vàng theo yêu cầu anh Nguyễn Thế L.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội D: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét anh Nguyễn Thế L kháng cáo yêu cầu chị Nguyễn Thùy D giao trả 05 chỉ vàng 24K. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Anh Nguyễn Thế L và chị Nguyễn Thùy D tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào ngày 25/11/2018. Khi đám cưới anh chị được cha mẹ anh L là NLQ1, NLQ2 cho tài sản chung gồm: 01 dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 24K, 01 lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24K, 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24K; bộ vòng simen trọng lượng 11,51 chỉ vàng 18K; 02 chiếc nhẫn cưới trọng lượng 01 chỉ vàng 18K (tất cả đều là vàng nữ trang). Sau đám cưới chị D là người quản lý số vàng này.

[2] Tuy nhiên, NLQ1 là cha anh L thừa nhận do NLQ1 yêu cầu nên khoảng 10 giờ sáng ngày 16/01/2019 chị D đã giao lại 10 chỉ vàng 24K cho NLQ1 gồm: 01 dây chuyền vàng 05 chỉ; 01 lắc tay 04 chỉ; 01 đôi bông tai 01 chỉ; sau đó khoảng 16 giờ chiều cùng ngày NLQ1 đã giao số vàng này lại cho vợ là NLQ2. Do nghi ngờ nên NLQ1, NLQ2 đã mang thử số vàng này và cho rằng là vàng giả nhưng NLQ1, NLQ2 và anh L không có chứng cứ chứng minh. Bởi lẽ, NLQ1 là người yêu cầu chị D giao vàng, lúc chị D giao vàng chị D đưa trực tiếp NLQ1 nhận (vàng để bên ngoài và nhìn thấy chứ không để trong hộp, hoặc bọc giấy .v.v…), không ai chứng kiến việc chị D giao vàng cho NLQ1 là vàng giả. Lúc nhận vàng NLQ1 không kiểm tra là lỗi của NLQ1. Thời gian nhận vàng là lúc 10 giờ, đến 17giờ cùng ngày 16/01/2019 (khoảng thời gian NLQ1 giữ vàng là 07 giờ) thì giao lại cho NLQ2, khi đi thử vàng cũng không có mặt anh L hay chị D đi cùng.

[3] NLQ1, NLQ2 cho rằng có báo chính quyền địa phương nhưng không phải tại thời điểm chị D giao vàng ngày 16/01/2018 mà đến ngày 17/01/2016 Công an ấp Bình Dân, xã Nhị Mỹ lập biên bản về việc NLQ1, NLQ2 báo việc chị D giao vàng giả; đồng thời Trưởng ấp Bình Dân là ông Bùi Tấn Lực cũng xác nhận không nhìn thấy hay chứng kiến việc chị D giao vàng cho NLQ1 là vàng giả. NLQ1, NLQ2, anh L không có chứng cứ chứng minh việc chị D giao vàng cho NLQ1 là vàng giả, mà số vàng 10 chỉ 24K hiện NLQ1, NLQ2 đang quản lý nên việc anh L cho rằng chị D giữ và yêu cầu chị D giao trả 05 chỉ vàng là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những lý do trên, xét yêu cầu kháng cáo của anh L yêu cầu chị D giao trả 05 chỉ vàng 24K là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện ủy quyền của anh L cũng xác định nếu không có chứng cứ chứng minh chị D là người giữ vàng mà NLQ1, NLQ2 là người giữ vàng thì anh L cũng không yêu cầu NLQ1, NLQ2 trả nên Tòa không xem xét.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh L, giữ nguyên án sơ thẩm. Xét đề nghị này là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thế L.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/HNGĐ-ST ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Thế L và chị Nguyễn Thùy D là vợ chồng.

- Con chung, nợ chung: Không có.
- Tài sản chung:

+ Công nhận sự thỏa thuận giữa anh L và chị D về việc chị D giao trả anh L 06 chỉ vàng 18K; Chị D được tiếp tục sở hữu 5,51 chỉ vàng 18K.

+ Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của anh L đối với yêu cầu chị D trả lại anh L 01 nhẫn cưới trọng lượng 0,5 chỉ vàng 18K.

+ Không chấp nhận anh L yêu cầu chị D trả 05 chỉ vàng 24K.

- Án phí sơ thẩm:

Anh L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000đồng nhưng được được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006260 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản là 1.743.000đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.800.000đồng theo biên lai số 0006261 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Số tiền anh L còn được nhận lại là 57.000đồng.

Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản là 760.000đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Thế L phải chịu 300.000đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006628 ngày 25/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, Tòa GĐ (*vh*).

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh